

# PHP for Base

Giảng viên: Bùi Quang Đăng

# Contents

1

Array in PHP

2

String in PHP

3

Exercises

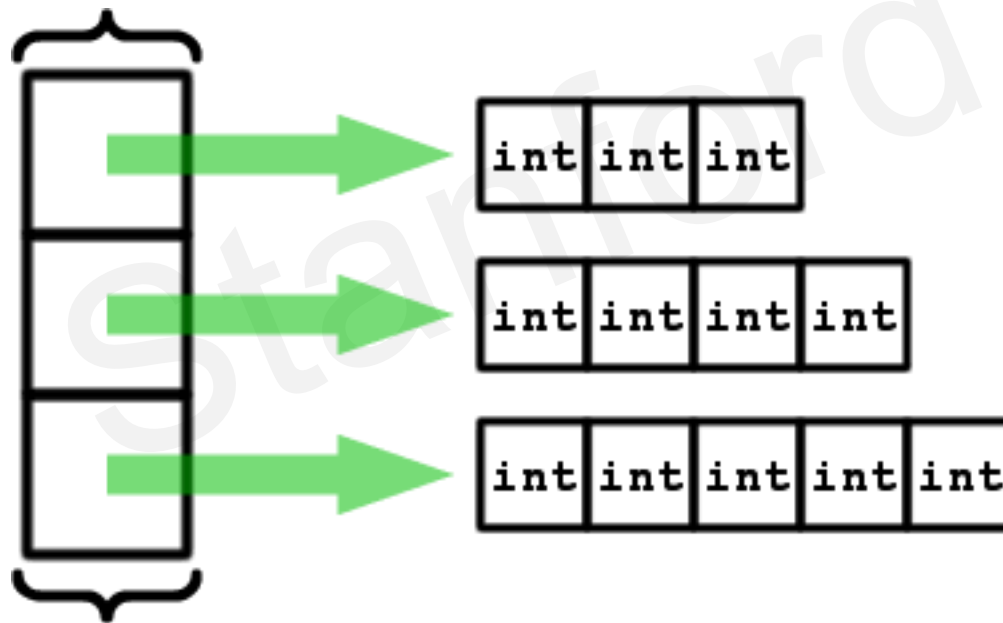
# PHP for Base

## Array in PHP

# PHP for Base

## ❖ Array in PHP

- **Mảng (array):** là một biến có thể lưu trữ nhiều giá trị



# PHP for Base

## ❖ Array in PHP

- **Mảng (array):** bao gồm 1 tập hợp các phần tử
- Để tạo một mảng trong lập trình PHP người ta sử dụng phương thức **array()**;
- Trong PHP có các loại mảng:
  - Một chiều
  - Mảng khóa và giá trị (Associative)
  - Mảng nhiều chiều (Multidimensional)

# PHP for Base

## ❖ Array in PHP

### ■ Mảng 1 chiều:

- Cú pháp: **Ten\_mang** = **array**(a1, a2, a3,...an);

- Ví dụ:

```
$corp = array("Stanford", "Day lap trinh", "So 20, ngo  
100 Nguyen Chi Thanh, HN", "Hotline: 04.6275 2212");
```

- Sử dụng hàm **array\_push**(\$arr,\$value) để đưa giá trị vào mảng.

# PHP for Base

## ❖ Array in PHP

### ■ Mảng 1 chiều:

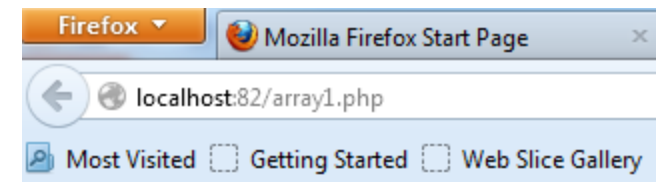
- Ví dụ:

```
<?php
```

```
$corp = array("Stanford", "Day lap trinh",  
"So 20, ngo 100 Nguyen Chi Thanh, HN", "Hotline: 04.6286 1583");
```

```
for($i=0; $i<count($corp); $i++)  
{  
    echo $corp[$i] . "<br/>";  
}
```

```
?>
```



**count():** Lấy số phần tử trong mảng

# PHP for Base

## ❖ Array in PHP

### ■ Mảng 1 chiều:

- Ví dụ:

```
<?php
// Create a simple array.
$array = array(1, 2, 3, 4, 5);
print_r($array);

// Now delete every item, but leave the array itself intact:
foreach ($array as $i => $value) {
    unset($array[$i]);
}
print_r($array);

// Append an item (note that the new key is 5, instead of 0).
$array[] = 6;
print_r($array);

// Re-index:
$array = array_values($array);
$array[] = 7;
print_r($array);
?>
```

**unset():** để gỡ bỏ phần tử trong mảng



# PHP for Base

## ❖ Array in PHP

### ■ Mảng cặp khóa và giá trị (Associative):

- Cú pháp: **Ten\_mang=array(a1=>value1, a2=>value2, a3=>value3,...an=>valuen);**
- Ví dụ:  

```
$corp = array("Stanford"=> "Day kinh nghiệm lap trinh",  
"DiaChi"=> "So 20, ngo 100 Nguyen Chi Thanh, HN");
```

# PHP for Base

## ❖ Array in PHP

### ■ Mảng cặp khóa và giá trị (Associative):

- Ví dụ:

```
$arrInfo = array("Stanford"=> "Day kinh nghiệm lập trình",  
"DiaChi"=> "So 20, ngo 100 Nguyen Chi Thanh, HN");  
  
$linh_vuc = $arrInfo["Stanford"];  
  
echo "Stanfofd " . $linh_vuc . "<br/>";  
  
foreach($arrInfo as $tt=>$tt_value)  
{  
    echo "<b>" . $tt . ": " . $tt_value . "<br/>";  
}
```

Stanford: Day kinh nghiệm lập trình  
DiaChi: So 20, ngo 100 Nguyen Chi Thanh, HN

# PHP for Base

## ❖ Array in PHP

### ■ Mảng nhiều chiều:

- Là mỗi phần tử của mảng có giá trị là một mảng khác
- Cú pháp:
- **Ten\_mang=array**(array1(v1,v2,...vn),array2(v1,v2,...vn),...arrayn(v1,v2,...vn));
- Ví dụ:

```
$arr = array(  
    array("Nguyễn Hải Hà", 32, "Hải dương"),  
    array("Lê Đăng Thuận", 28, "Thanh Hóa")  
);
```

# PHP for Base

## ❖ Array in PHP

### ▪ Mảng nhiều chiều:

Ví dụ:

```
$arr = array(  
    array("Nguyễn Hải Hà", 32, "Hải dương"),  
    array("Lê Đăng Thuận", 28, "Thanh Hóa")  
);  
  
for($i=0; $i<2; $i++)  
{  
    for($j=0; $j<3; $j++)  
    {  
        echo "arr[" . $i . "][" . $j . "]= " . $arr[$i][$j] . " ";  
    }  
    echo "<br/>";  
}
```

```
arr[0][0]=Nguyễn Hải Hà; arr[0][1]=32; arr[0][2]=Hải dương;  
arr[1][0]=Lê Đăng Thuận; arr[1][1]=28; arr[1][2]=Thanh Hóa;
```

# PHP for Base

## ❖ Array in PHP

### ■ Mảng nhiều chiều:

- Là một mảng chứa một hoặc nhiều mảng, mỗi phần tử của mảng nhiều chiều là một mảng.
- Ví dụ:

```
$arr = array(  
    "Employee"=>array("Nguyễn Hải Hà", "32", "Hải Dương"),  
    "Company"=>array("Stanford", "Attech", "NIIT")  
);
```

# PHP for Base

## ❖ Array in PHP

### ▪ Mảng nhiều chiều:

Ví dụ:

```
$i=-1;
foreach($arr as $a=>$v1){
    $i++;
    for($j=0; $j<3; $j++)
    {
        $t = $arr[$a][$j];

        echo "arr[" . $i . "][" . $j . "]= " . $t . "; ";
    }
    echo "<br/>";
}
```

**Kết quả màn hình**

```
arr[0][0]=Nguyễn Hải Hà; arr[0][1]=32; arr[0][2]=Hải Dương;
arr[1][0]=Stanford; arr[1][1]=Attech; arr[1][2]=NIIT;
```

# PHP for Base

## ❖ Array in PHP

- **List()**: Là một phương thức sử dụng để gán giá trị vào danh sách các biến trong PHP.
- Cú pháp: `list(var1, var2,...varn)`

Trong đó:

- **var1**: yêu cầu phải có dữ liệu

# PHP for Base

## ❖ Array in PHP

- **List():** Là một phương thức sử dụng để gán giá trị vào danh sách các biến trong PHP.

Ví dụ:

```
$arrThongTin = array("Stanford", "Dạy kinh nghiệm lập trình",  
"Số 20 ngõ 100 Nguyễn Chí Thanh, HN");
```

```
list($a,$b) = $arrThongTin;
```

```
echo $a;  
echo "<br/>";  
echo $b;
```

Kết quả màn hình:

```
Stanford  
Dạy kinh nghiệm lập trình
```



# PHP for Base

## ❖ Array in PHP

### ▪ Sắp xếp trong mảng:

- Khi sử dụng mảng trong PHP người ta có thể sử dụng các phương thức sau để thực hiện sắp xếp đó là:
  - **sort()**: Sắp xếp mảng theo thứ tự tăng dần (**asc**)
  - **rsort()**: Sắp xếp mảng theo thứ tự giảm dần (**desc**)
  - **asort()**, **ksort()**: Sắp xếp tăng dần cho mảng cặp theo value và key.
  - **arsort()**, **krsort()**: Sắp xếp giảm dần cho mảng cặp theo value và key.

# PHP for Base

## ❖ Array in PHP

### ▪ Sắp xếp trong mảng:

- Ví dụ:

```
$arr = array(10,20,50,80,100,60,30,40,70,90);  
sort($arr);
```

```
for($i=0; $i<count($arr); $i++)  
{  
    echo $arr[$i] . "<br/>";  
}
```

```
$arr = array("Stanford", "Dạy kinh nghiệm lập trình",  
"Số 20 ngõ 100 Nguyễn Chí Thanh, HN");
```

```
rsort($arr);
```

```
for($i=0; $i<count($arr); $i++)  
{  
    echo $arr[$i] . "<br/>";  
}
```

Số 20 ngõ 100 Nguyễn Chí Thanh, HN  
Stanford  
Dạy kinh nghiệm lập trình

# PHP for Base

## String in PHP

# PHP for Base

## ❖ String

- Để làm việc với dữ liệu dạng chuỗi trong PHP
- Các chuỗi trong PHP được nối với nhau bằng dấu “.”

Method	Description
<b>echo</b>	Để in ra giao diện một hoặc nhiều chuỗi
<b>explode</b>	<p>Chuyển một chuỗi sang một mảng</p> <p>Cú pháp: <code>explode(Ky_hieu_can_chia_mang, Chuoi_can_chia)</code></p> <p>Ví dụ: <code>explode(" ", "Stanford dạy kinh nghiệm lập trình");</code></p>
<b>implode</b>	<p>Trả về một chuỗi từ một mảng</p> <p>Cú pháp: <code>implode(Ky_hieu_noi_chuoi, array);</code></p>

# PHP for Base

## ❖ String

- Các phương thức hay sử dụng với chuỗi trong PHP

Method	Description
<b>join</b>	Là một alias của phương thức implode() và cách sử dụng tương tự nó.
<b>ltrim</b>	Cắt các ký tự bên trái của chuỗi được khai báo Cú pháp: ltrim(Chuoi, Chuoi_cat_bo) Ví dụ: ltrim(" Stanford lap trinh", " ");
<b>rtrim</b>	Cắt các ký tự bên phải chuỗi được khai báo
<b>trim</b>	Cắt cả 2 bên trái, phải ví dụ: trim("Stanford","Sd")
<b>strlen</b>	Lấy độ lớn của một chuỗi trong PHP

# PHP for Base

## ❖ String

- Các phương thức hay sử dụng với chuỗi trong PHP

Method	Description
<b>strpos</b>	Là một phương thức trả về vị trí của một chuỗi trong chuỗi cần tìm ví dụ: strpos("Dạy kinh nghiệm lập trình tại stanford, số 20 ngõ 100 Nguyễn Chí Thanh, HN", "stanford")
<b>stristr</b>	Trả về các ký tự từ vị trí so khớp bên phải, không phân biệt ký tự so lớp là hoa thường. vd: echo stristr("Hello world!", "WORLD");
<b>stripos</b>	Trả về vị trí đầu của chuỗi cần tìm, không phân biệt hoa thường ví dụ: stripos("Stanford - Dạy kinh nghiệm lập trình", "t");

# PHP for Base

## ❖ String

- Các phương thức hay sử dụng với chuỗi trong PHP

Method	Description
<b>substr</b>	Trả về một chuỗi con của chuỗi thực hiện Cú pháp: <code>substr(Chuoi, Do_lon_can_lay);</code> ví dụ: <code>substr("Stanford dạy lập trình", 8)</code>
<b>strtolower</b>	Chuyển chuỗi ký tự sang chữ in thường
<b>strtoupper</b>	Chuyển chuỗi ký tự sang chữ in hoa
<b>str_split</b>	Chuyển một chuỗi về một mảng, ví dụ: <code>str_split("Hello")</code> Cú pháp <code>str_split(string, length)</code>

# PHP for Base

## ❖ String

- Các phương thức hay sử dụng với chuỗi trong PHP

Method	Description
<b>strrpos</b>	Trả về một vị trí cuối của một chuỗi trong chuỗi cần tìm
<b>stripos</b>	Trả về vị trí cuối của một chuỗi trong chuỗi cần tìm ví dụ: <code>stripos("Stanford - Dạy kinh nghiệm lập trình","t");</code>
<b>str_replace</b>	Thay thế một chuỗi trong chuỗi cần thực hiện Cú pháp: <code>str_replace(<i>find,replace,string,count</i>)</code> count: là số phần tử được thay thế
<b>md5</b>	Mã hóa chuỗi theo thuật toán MD5 ví dụ: <code>md5(utf8_encode("ĐĂNGBQ"))</code>





# Thank You !